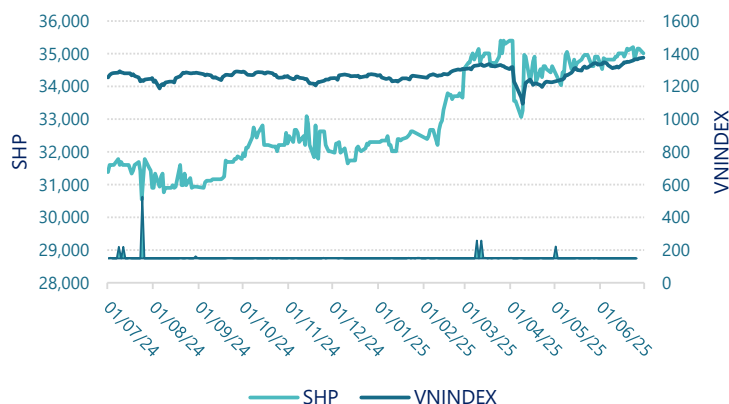


CTCP Thủy Điện Miền Nam (HSX: SHP)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	36,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	35,401
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	30,543
SL cổ phiếu LH	101,206,352
KLGD BQ 20 phiên (CP)	361,804
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,643
P/E	10.7
EPS	3,367

DT thuần

Q2/25

139

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 72.9 | 110%

YoY: ▲ 39.5 | 39.3%

LN sau thuế

Q2/25

58.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 45.6 | 346%

YoY: ▲ 25.3 | 75.6%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

49.9%

+/- YoY: ▲ 11.2%

DT thuần

6T 2025

205

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 49.0 | 31.2%

LN sau thuế

6T 2025

72.0

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 44.8 | 165%

ROE

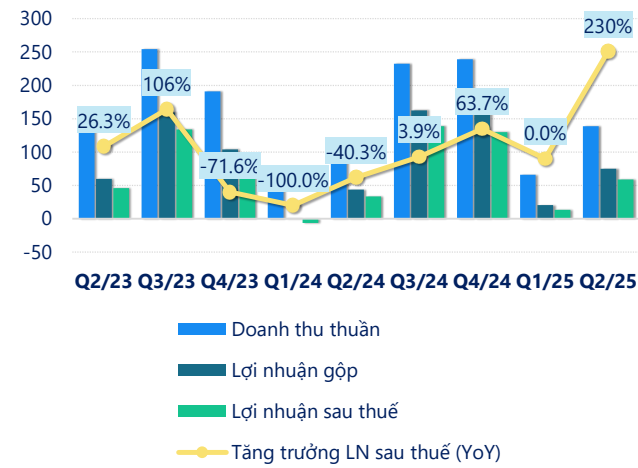
Q2/25

30.8%

+/- YoY: ▲ 9.0%

tỷ VNĐ

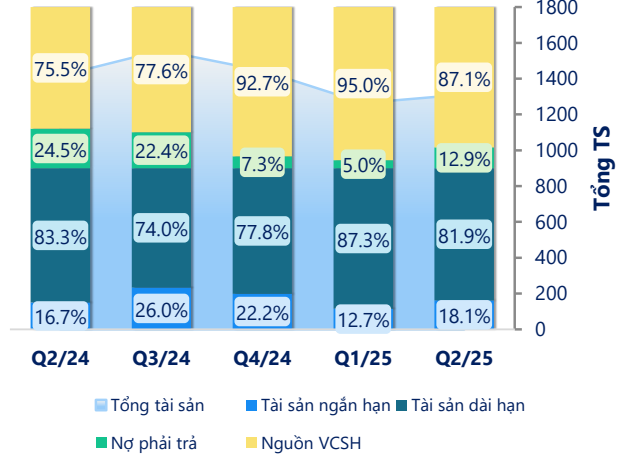
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

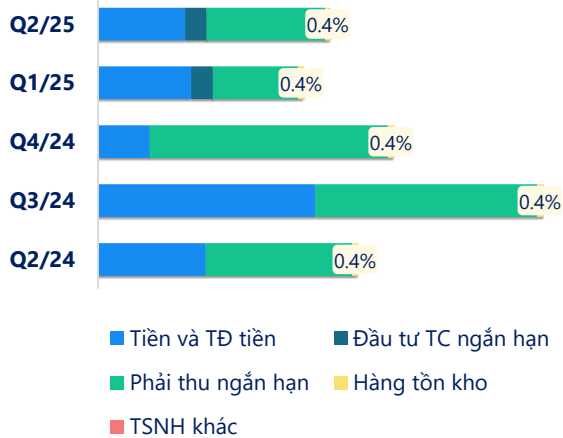
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



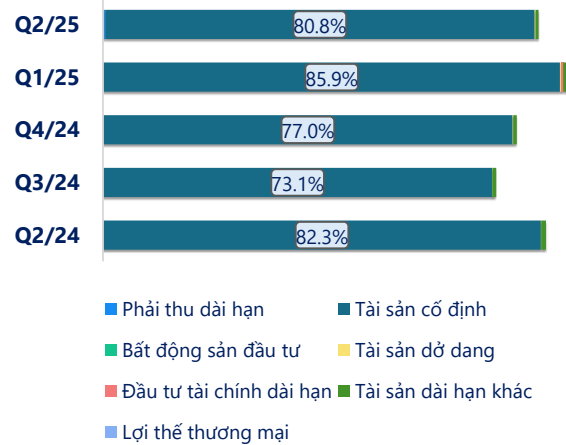
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

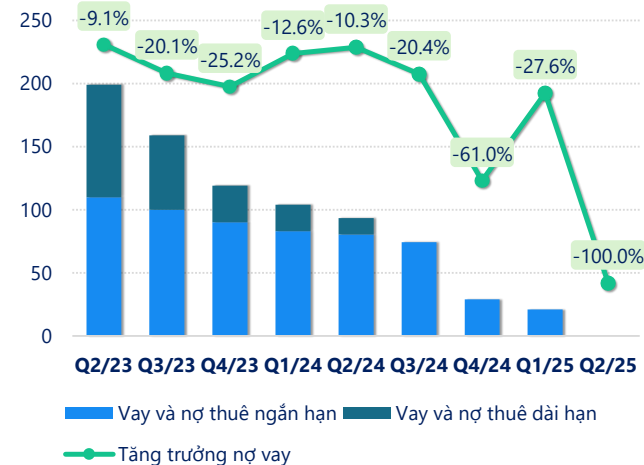
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

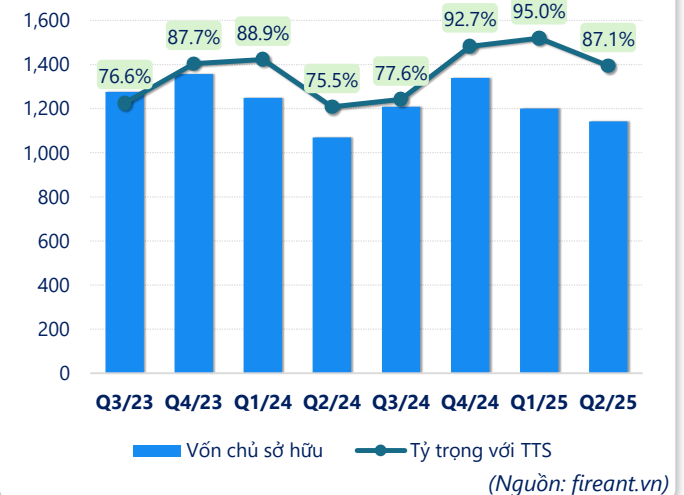
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

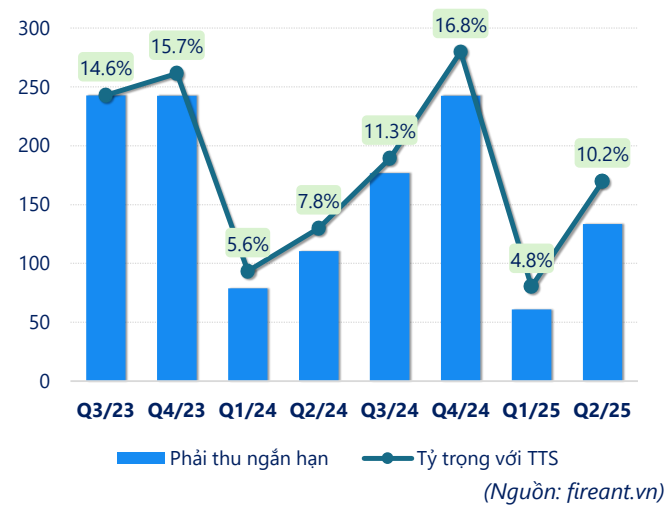
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

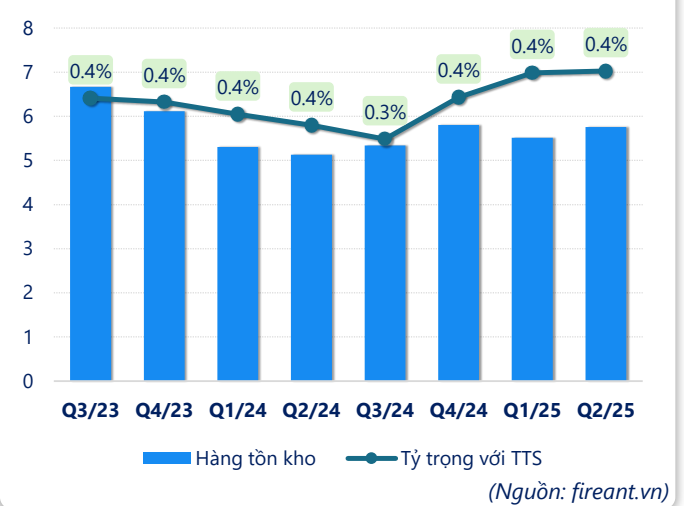


(Nguồn: fireant.vn)

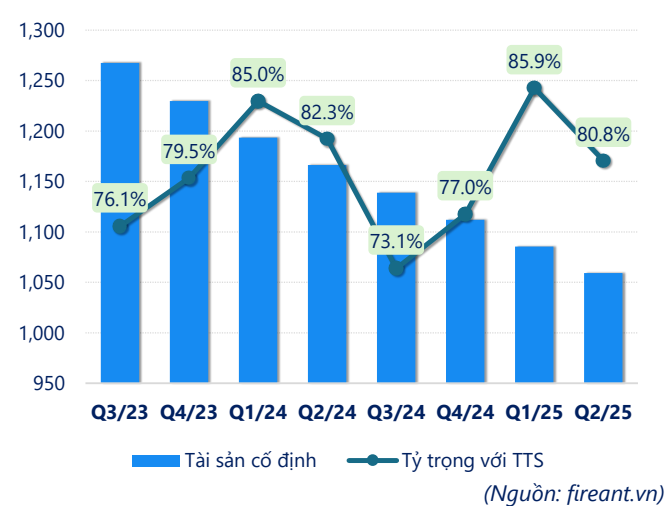
tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


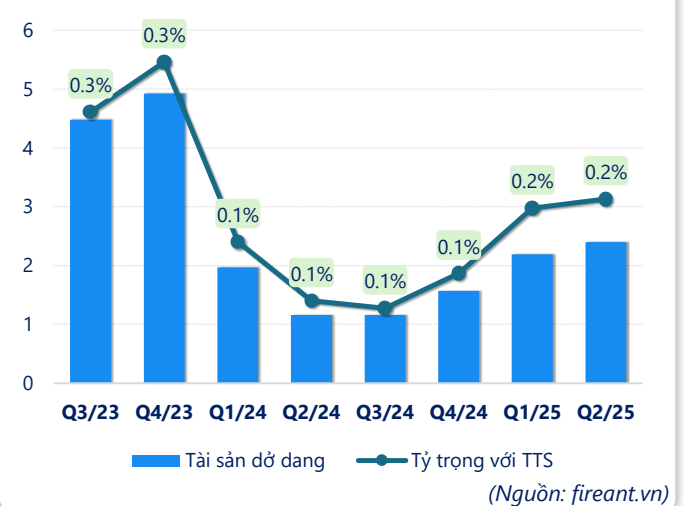
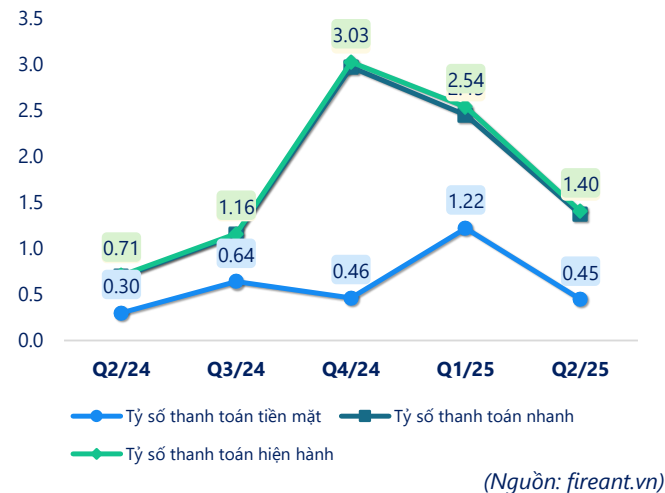
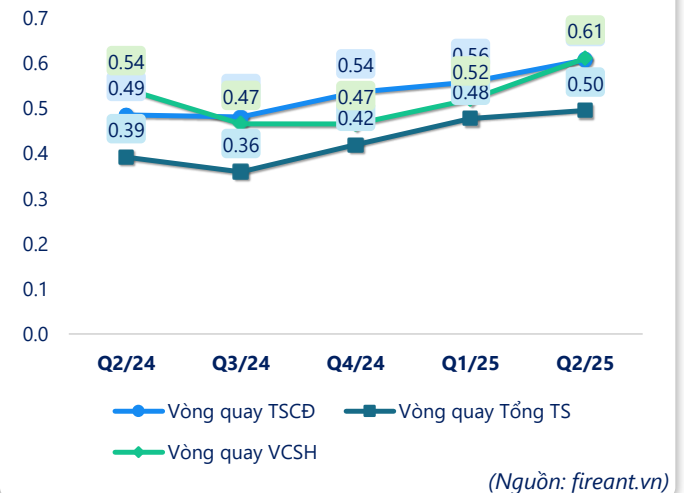
tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


tỷ VNĐ

Tài sản cố định


tỷ VNĐ

Tài sản dở dang

Chỉ số thanh khoản

Vòng quay tài sản


CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	1,417	1,557	1,444	1,264	1,312
Tài sản ngắn hạn	236	405	320	161	237
Tiền và tương đương tiền	100	223	49.0	77.4	75.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	20.0	0	22.0	16.8	22.0
Phải thu ngắn hạn	110	177	242	60.8	134
Hàng tồn kho	5.13	5.34	5.80	5.52	5.76
Tài sản ngắn hạn khác	0.18	0.19	0.72	0.57	0.54
Tài sản dài hạn	1,181	1,152	1,124	1,102	1,075
Phải thu dài hạn	0.70	0.70	0.70	0.70	5.32
Tài sản cố định	1,166	1,139	1,112	1,085	1,059
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1.16	1.16	1.57	2.19	2.40
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	5.24	0
Tài sản dài hạn khác	12.8	11.4	10.3	8.96	7.61
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	347	349	106	63.5	169
Nợ ngắn hạn	334	349	106	63.5	169
Vay và nợ thuê ngắn hạn	80.3	74.3	29.0	21.0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	0.65	1.44	3.07	2.21	3.51
Nợ dài hạn	13.0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	13.0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,070	1,209	1,339	1,200	1,143
Vốn chủ sở hữu	1,070	1,209	1,339	1,200	1,143
Vốn điều lệ	1,012	1,012	1,012	1,012	1,012
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)